

Báo cáo thị trường

# Báo cáo ngày: VN-Index điều chỉnh khi chạm mốc kháng cự 1,295

29/03/2024

## VN-Index giảm điểm về mức 1,284

- VN-Index giảm 6.1 điểm và kết phiên ở mức 1,284
- Khối ngoại bán ròng 865 tỷ VND trong phiên giao dịch hôm nay, trong đó các mã bị bán ròng mạnh nhất là MSN (224 tỷ VND), VND (173 tỷ VND) và VHM (157 tỷ VND)
- NĐT cá nhân trong nước mua ròng 1,314 tỷ VND, trong đó các mã được mua ròng mạnh nhất là MSN (382 tỷ VND), VND (190 tỷ VND) và EVF (140 tỷ VND)

## Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực về thị trường trong báo cáo trước

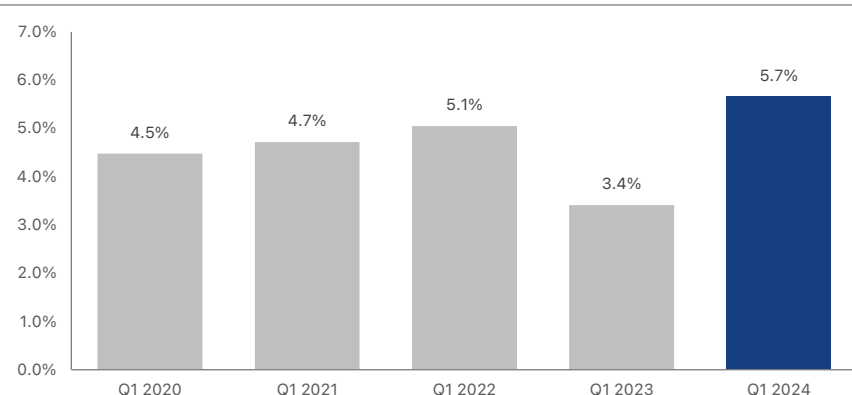
- Chúng tôi duy trì quan điểm VN-Index sẽ hướng tới mức 1,350 năm nay nhờ những hỗ trợ gia tăng dòng tiền trên thị trường trong báo cáo trước
- Về mặt kỹ thuật, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ điều chỉnh tại vùng kháng cự 1,295 - 1,310 trong ngắn hạn, và chúng tôi cho rằng khi thị trường điều chỉnh có thể là lúc NĐT cân nhắc giải ngân trở lại. Trong trường hợp VN-Index điều chỉnh về mức 1,240 - 1,250, chúng tôi khuyến nghị NĐT có thể giải ngân tại vùng giá này

## Chênh lệch basis đạt mức 1.2 điểm

- Chỉ số VN30F1M giảm 8.8 điểm (-0.7%) xuống mức 1,298 trong khi chỉ số VN30 giảm 6.3 điểm (-0.5%) xuống mức 1,297

## Tăng trưởng GDP Việt Nam Q1 2024 đạt mức cao nhất trong 5 năm

Tăng trưởng GDP Q1 [%]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

## Tổng quan thị trường

Chỉ tiêu	Giá trị	%Thay đổi
<b>VN-Index</b>		
Đóng cửa	1,284	-0.5%
KLGD [triệu CP]	867	-8.5%
GTGD [tỷ VND]	23,158	-10.3%
Khớp lệnh	19,355	-15.1%
Thoả thuận	3,802	25.5%
<b>HNX-Index</b>		
Đóng cửa	243	-0.1%
KLGD [triệu CP]	81	-4.7%
GTGD [tỷ VND]	1,769	-1.7%
<b>UPCoM</b>		
Đóng cửa	92	0.4%
KLGD [triệu CP]	49	-0.1%
GTGD [tỷ VND]	657	-13.4%

## Mục lục

- Diễn biến TT VN và quốc tế ►
- Vì sao thị trường giảm điểm? ►
- Quan điểm thị trường ►
- Các thông tin đáng chú ý ►
- Thị trường phái sinh & chứng quyền ►
- Danh sách cổ phiếu khuyến nghị ►
- Phụ lục: Tổng quan hiệu suất thị trường ►

## Nguyễn Đức Anh

anhnd@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6417

## Ngô Đức Anh

research@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6417

## Phạm Công Đạt

research@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6417

Tổng quan thị trường hôm nay

# Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng

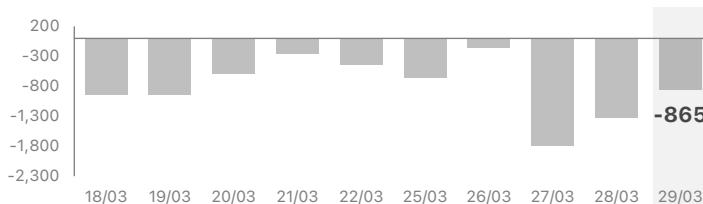
**VN-Index** ▼ 1,284 (-0.5%)  
867.2 triệu CP 23,158 tỷ VND (-10.3%)

**HNX-Index** ▼ 243 (-0.1%)  
80.6 triệu CP 1,769 tỷ VND (-1.7%)

**UPCoM-Index** ▲ 92 (+0.4%)  
49.0 triệu CP 657 tỷ VND (-13.4%)

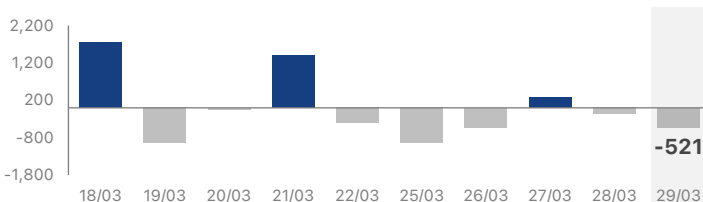
## Khối ngoại bán ròng 865 tỷ VND

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài [tỷ VND]



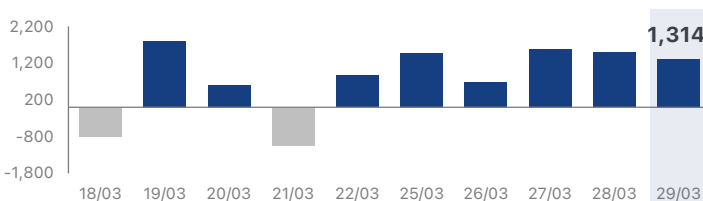
## Tổ chức trong nước bán ròng 521 tỷ VND

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức trong nước [tỷ VND]



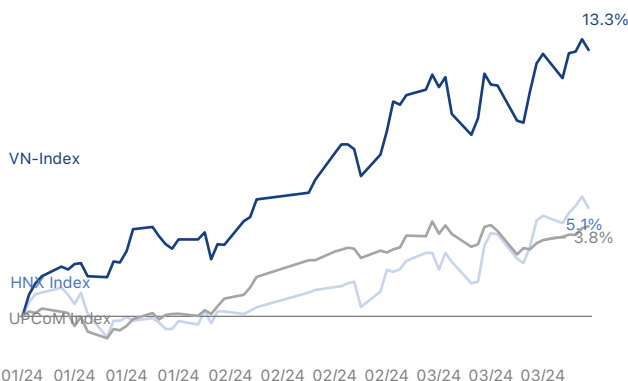
## NĐT cá nhân mua ròng mạnh

Giá trị mua/bán ròng của NĐT trong nước [tỷ VND]



## VN-Index có hiệu suất tốt nhất từ đầu năm

Hiệu suất tính từ đầu năm 2024 của các chỉ số [%]



## Chứng khoán Việt Nam giảm điểm

Hiệu suất từ đầu năm 2024 tới nay của các chỉ số chứng khoán chính [%]

Chỉ số	Quốc gia	Giá đóng cửa [điểm]	GTGD [triệu USD]	Thay đổi giá		Định giá		Chỉ báo kỹ thuật			
				1 ngày	YTD	P/E	P/B	Kháng cự	Hỗ trợ	RSI	MA (20)
VN-Index	Việt Nam	1,284	916	-0.5%	13.5%	16.7	1.8	1,155	1,080	62	1,265
HNX-Index	Việt Nam	243	72	-0.5%	5.5%	24.0	1.3	250	230	63	239
S&P 500	Mỹ	5,254	94,045	0.1%	10.8%	25.2	4.8	4,590	4,180	67	5,171
Dow Jones	Mỹ	39,807	20,550	0.1%	5.5%	22.8	5.0	35,600	34,000	65	39,106
FTSE 100	Anh	7,953	4,683	0.3%	3.0%	12.2	1.9	7,700	7,200	74	7,770
Euro Stoxx 50	Euro	5,083	8,424	0.0%	12.6%	15.0	2.2	4,410	4,160	76	4,990
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,041	52,883	1.0%	2.7%	13.8	1.3	3,310	3,000	55	3,046
SZSE Component	Trung Quốc	9,401	31,303	0.6%	0.0%	21.0	2.0	12,500	10,000	51	9,506
Hang Seng	Hồng Kông	16,541	8,513	0.0%	-1.5%	9.4	1.0	20,300	16,700	50	16,601
Nikkei 225	Nhật Bản	40,369	22,429	0.5%	20.6%	28.7	2.3	33,450	31,400	62	39,844
KOSPI	Hàn Quốc	2,747	8,672	0.0%	2.9%	17.8	1.0	2,650	2,470	61	2,700

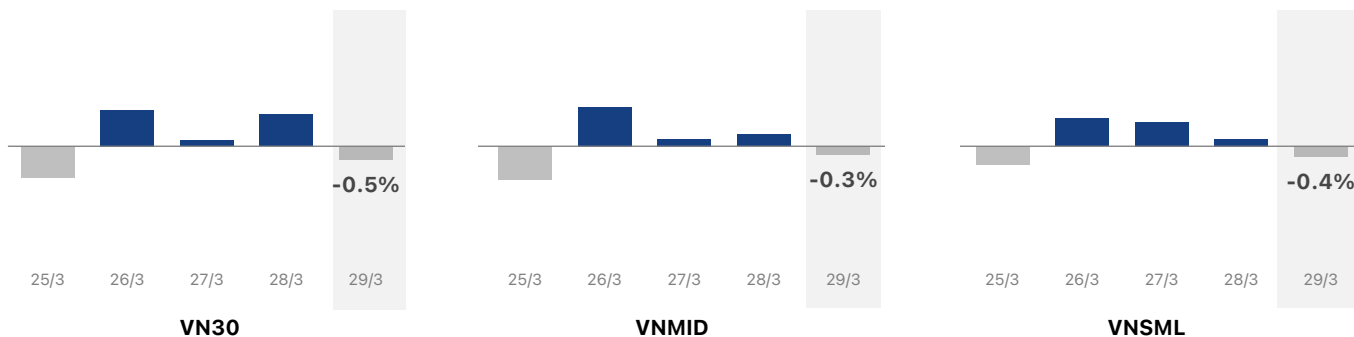
Ghi chú: Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 được lấy giá trị giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, TVS Research

## Diễn biến giao dịch theo nhóm chỉ số & ngành

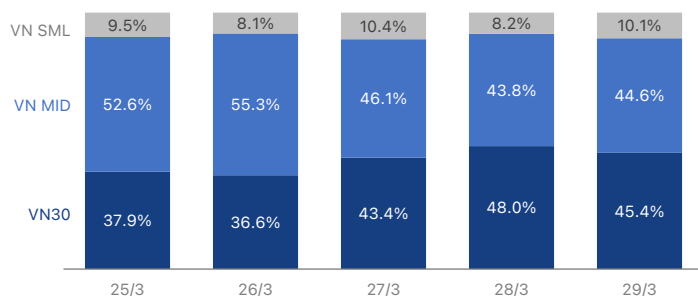
### Cả ba nhóm chỉ số giảm điểm

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số [%]



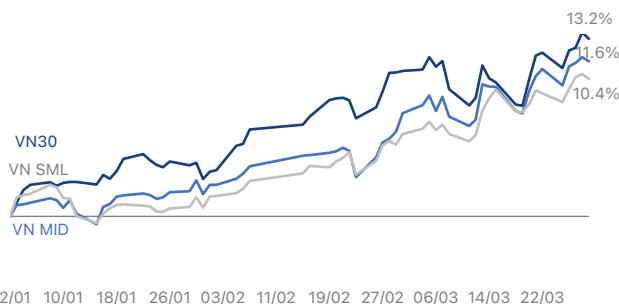
### Nhóm VN30 chiếm tỷ trọng GTGD lớn nhất trong phiên

Tỷ trọng GTGD theo các nhóm chỉ số [%]



### Nhóm VN30 có hiệu suất tích cực nhất kể từ đầu năm

Hiệu suất tính từ đầu năm 2024 của các chỉ số [%]



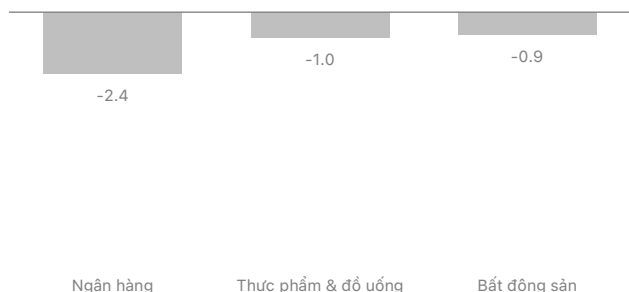
### Không có nhóm ngành nào tác động tích cực

3 ngành đóng góp tích cực nhất vào VN-Index [điểm]



### ... trong khi Nhóm ngân hàng bị bán

3 ngành tác động tiêu cực nhất vào VN-Index [điểm]



### Bảng định giá các nhóm ngành

P/E TTM các nhóm ngành [x] và P/E TTM TB 5 năm [x]

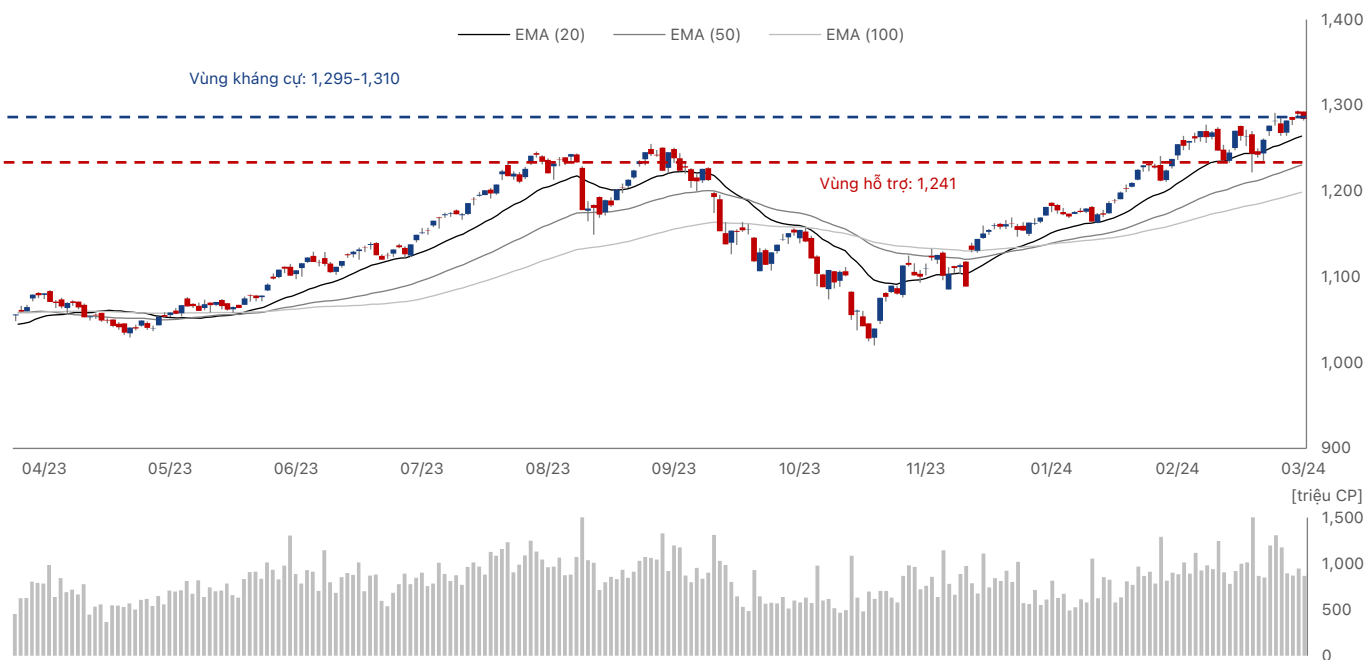
Ngành	P/E TTM	P/E TB 5 năm
Ngân hàng	10.3	10.9
Bất động sản	16.1	19.9
Thực phẩm và đồ uống	21.6	20.0
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.2	14.0
Tài nguyên Cơ bản	37.0	28.0
Dịch vụ tài chính	22.1	14.8
Hóa chất	21.0	14.5
Công nghệ Thông tin	21.8	16.1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.6	16.7
Xây dựng và Vật liệu	27.2	16.7
Du lịch và Giải trí	-22.5	7.8
Bán lẻ	89.7	19.1
Dầu khí	11.5	16.2
Hàng cá nhân & Gia dụng	14.5	11.2
Bảo hiểm	13.3	19.4
Y tế	13.5	14.5
Ô tô và phụ tùng	18.5	15.0
Truyền thông	91.9	80.4
Viễn thông	35.0	88.2

Vì sao thị trường giảm điểm?

# Các chỉ báo kỹ thuật cho tín hiệu mua

## Các chỉ báo kỹ thuật cho tín hiệu tích cực

Biểu đồ VN-Index và các chỉ báo kỹ thuật [điểm]



Chỉ báo động lượng	Giá trị	GT so sánh	Hành động	Chỉ báo trung bình động	Giá trị	GT so sánh	Hành động
Relative Strength Index	67	50	Mua	Simple Moving Average (20)	1,265	1,284	Mua
Stochastic %K	-18	40	Bán	Simple Moving Average (50)	1,226	1,284	Mua
Momentum (10)	47	40	Mua	Simple Moving Average (100)	1,170	1,284	Mua
MACD level (12,36)	34	0	Mua	Simple Moving Average (200)	1,164	1,284	Mua
<b>Tín hiệu mua</b>			<b>3</b>	Exponential Moving Average (20)	1,263	1,284	Mua
Tín hiệu trung tính			0	Exponential Moving Average (50)	1,230	1,284	Mua
<b>Tín hiệu bán</b>			<b>1</b>	Exponential Moving Average (100)	1,198	1,284	Mua
				Exponential Moving Average (200)	1,166	1,284	Mua
				Bollinger Band (20)	1,265	1,284	Mua
				<b>Tín hiệu mua</b>			<b>8</b>
				Tín hiệu trung tính			0
				<b>Tín hiệu bán</b>			<b>0</b>

• Về mặt kỹ thuật, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ điều chỉnh tại vùng kháng cự 1,295 - 1,310 trong ngắn hạn, và chúng tôi cho rằng khi thị trường điều chỉnh có thể là lúc NĐT cân nhắc giải ngân trở lại. Trong trường hợp VN-Index điều chỉnh về mức 1,240 - 1,250, chúng tôi khuyến nghị NĐT có thể giải ngân tại vùng giá này

## Thông tin vĩ mô/Doanh nghiệp

### Thông tin vĩ mô

**GSO vừa công bố báo cáo số liệu vĩ mô Việt Nam Q1 2024.** Một số chỉ tiêu quan trọng trong báo cáo bao gồm: GDP (+5.7% YoY), CPI (3.8% YoY), xuất khẩu (17% YoY), nhập khẩu (13.9% YoY), FDI thực hiện (7.1% YoY), tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (8.2% YoY).

### Thông tin doanh nghiệp

**GVR (HSX, giá đóng cửa 33,150 VND, +0.3%):** GVR cho biết Tập đoàn đã được duyệt chuyển đổi 25,000 ha đất cao su tại 3 địa phương bao gồm Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Phước.

**CII (HSX, giá đóng cửa 19,100 VND, -1%):** CII ước tính DT mảng BOT trong năm 2024 sẽ đạt khoảng 2700 - 2900 tỷ VND (+60 - 70% YoY).

**VGI (UpCOM, giá đóng cửa 44,200 VND, +5.7%):** Trong năm 2023, Viettel Global ghi nhận DT đạt 28,200 tỷ VND (19.4% YoY). Cả 9 công ty thị trường của Viettel Global đều ghi nhận tăng trưởng DT trong đó có 4 thị trường tăng trưởng DT trên 20% bao gồm: Viettel Haiti (+36.2% YoY), Viettel Mozambique (+28.2% YoY), Viettel Myanmar (+20.2% YoY) và Viettel Timor (+20.3% YoY).

- 1/3 **Châu Âu - Số liệu thất nghiệp T2/2024**  
Thực tế 6.4%, Kỳ trước: 6.5%
- Châu Âu - Công bố CPI T2/2024**  
Thực tế : 2.6%, Kỳ trước: 2.8%
- 3/3 **Trung Quốc - Công bố PMI dịch vụ T2/2024**  
Thực tế: 52.7, Kỳ trước: 3.2%
- 6/3 **Trung Quốc - Công bố số liệu xuất nhập khẩu T2/2024**  
Xuất khẩu 7.1%, nhập khẩu: 3.5%
- 7/3 **Chủ tịch FED điều trần**
- 8/3 **Mỹ - Số liệu thất nghiệp T2/2024**  
Thực tế: 3.9%, Kỳ trước: 3.7%
- Trung Quốc - Công bố CPI T2/2024**  
Thực tế 0.7%, Kỳ trước: -0.8%
- 12/3 **Mỹ - Công bố CPI T2/2024**  
Thực tế: 3.2%, Kỳ trước: 3.2%
- 20/3 **FED họp điều hành chính sách tiền tệ**
- 21/3 **Đáo hạn HĐ phái sinh chỉ số VN30**
- Mỹ - Công bố PMI sản xuất tháng 3**  
Thực tế: 52.5, Kỳ trước: 52.2
- 29/3 **Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế vĩ mô tháng 3/2024**

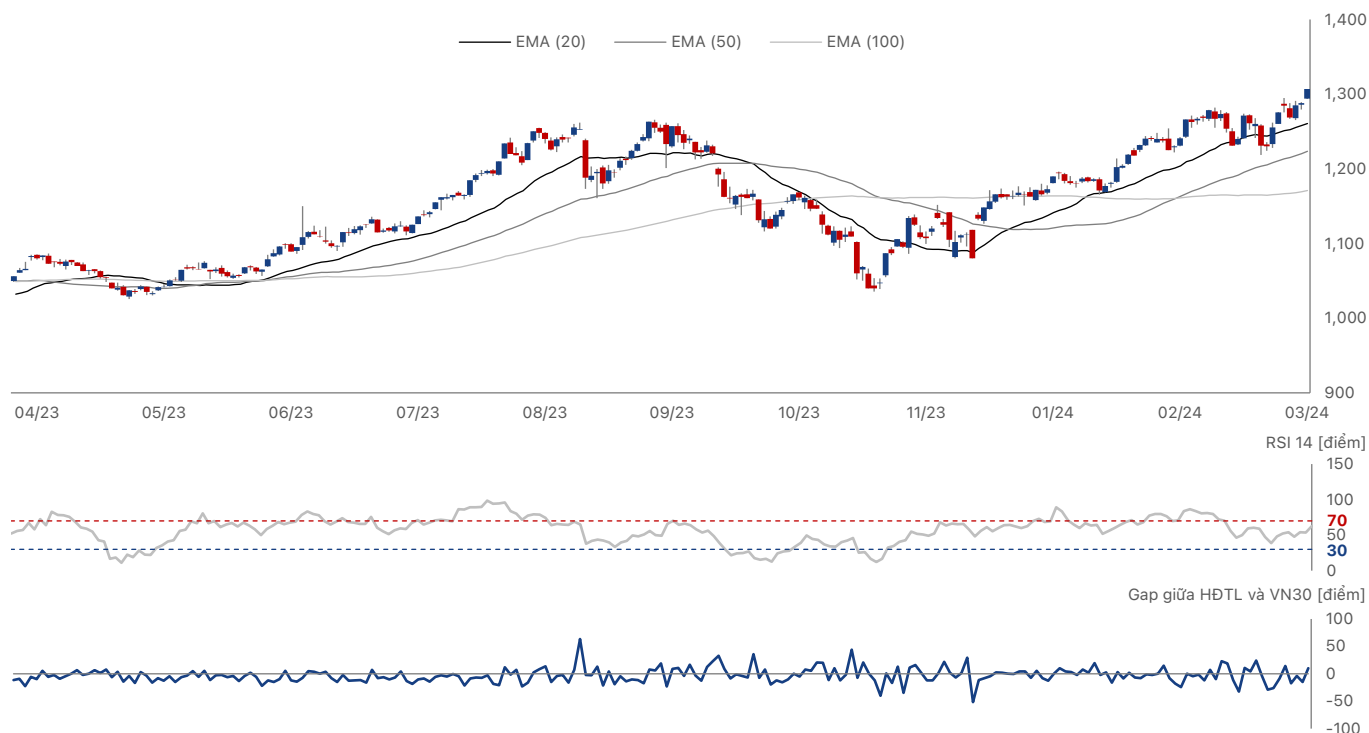
Vì sao thị trường tăng điểm?

# Diễn biến thị trường phái sinh, chứng quyền

## Thị trường phái sinh

Chỉ số VN30F1M ở mức 1,298 điểm

Diễn biến hợp đồng tương lai VN30 [điểm]



- Chỉ số VN30F1M giảm 8.8 điểm (-0.7%) xuống mức 1,298 trong khi chỉ số VN30 giảm 6.3 điểm (-0.5%) xuống mức 1,297

## Số mã chứng quyền giảm chiếm ưu thế

- Thị trường chứng quyền hôm nay có 91 mã giảm ở mức bình quân 4.7% và 40 mã tăng ở mức bình quân 6.4%

## Mã chứng CSTB2401 tăng mạnh nhất, +25% trong phiên hôm nay

Diễn biến thị trường chứng quyền [%]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

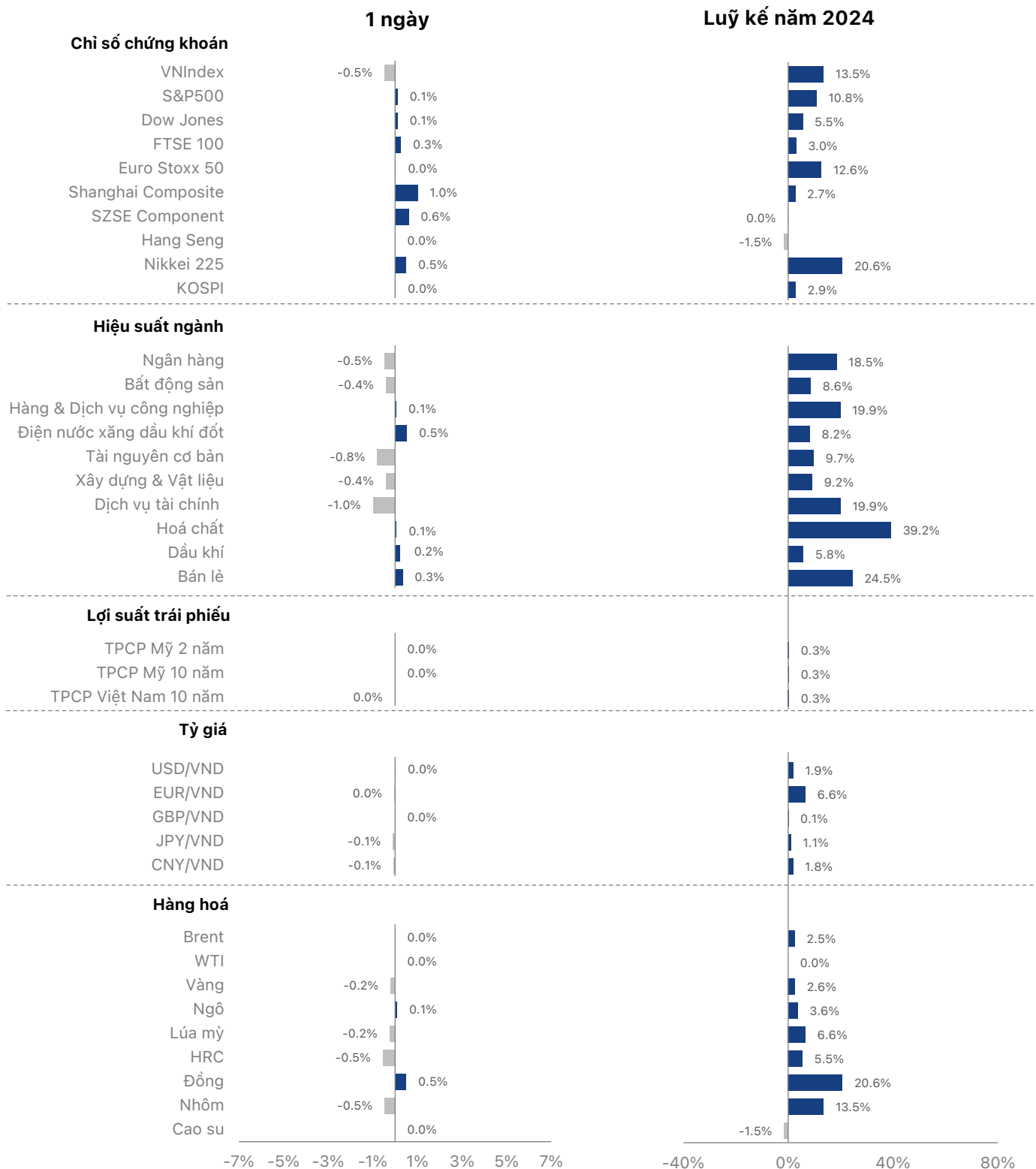
## Danh sách cổ phiếu khuyến nghị

Mã	Ngành ICB cấp 2	Thông tin thị trường					Định giá				
		Giá đóng cửa [VND]	Vốn hoá [tỷ VND]	Beta 6m	% ngày	% YTD	P/E (TTM)	P/B (TTM)	Giá mục tiêu	+/-	Ngày ra BC
FPT	Công nghệ Thông tin	116,500	147,951	1.0	-1%	22%	22.8	5.9	118,700	2%	06/02
KBC	Bất động sản	34,950	26,828	1.2	-2%	12%	13.4	1.5	40,300	15%	06/02
MBB	Ngân hàng	25,400	134,292	1.1	0%	37%	6.4	1.5	28,200	11%	06/02
TCB	Ngân hàng	47,550	167,495	1.4	-1%	51%	9.3	1.3	42,200	-11%	06/02
VCB	Ngân hàng	94,900	530,405	0.7	-1%	19%	16.1	3.2	107,200	13%	06/02
MWG	Bán lẻ	51,100	74,721	1.5	0%	19%	446.0	3.2	53,200	4%	06/02
VHC	Thực phẩm và đồ uống	78,400	17,597	1.8	-1%	32%	19.4	2.1	84,200	7%	06/02
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	79,700	24,380	1.3	0%	13%	10.9	2.9	79,500	0%	06/02
VHM	Bất động sản	42,850	186,585	1.2	-1%	0%	5.6	1.0	71,400	67%	06/02
NLG	Bất động sản	43,350	16,680	1.0	-1%	20%	34.4	1.8	49,000	13%	06/02
PVS	Dầu khí	39,200	18,736	0.9	1%	3%	18.3	1.5	50,300	28%	06/02
PVD	Dầu khí	32,350	17,983	1.1	0%	14%	31.0	1.2	37,500	16%	06/02
HPG	Tài nguyên Cơ bản	30,250	175,897	1.5	-1%	9%	25.7	1.7	34,300	13%	06/02
SSI	Dịch vụ tài chính	38,500	57,717	1.5	-2%	19%	25.2	2.5	43,300	12%	06/02

## Danh sách báo cáo phát hành gần đây

Loại báo cáo	Tiêu đề	Công ty/Ngành	Ngày phát hành
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô tháng 2/2024	Vĩ mô	08/03/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường tháng 2/2024	Toàn thị trường	08/03/2024
Báo cáo ngành	Báo cáo kết quả kinh doanh 2023	Toàn thị trường	07/02/2024
BCCL - Đầu tư năm 2024	Báo cáo chiến lược - Đầu tư 2024	Toàn thị trường	06/02/2024
BCCL - Vĩ mô năm 2024	Báo cáo chiến lược - Vĩ mô 2024	Vĩ mô	06/02/2024
BCCL - Thị trường năm 2024	Báo cáo chiến lược - Thị trường 2024	Thị trường	06/02/2024
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô tháng 12/2023	Vĩ mô	05/01/2024
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	NLG	25/12/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	VCB	07/12/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	CTG	07/12/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	DXG	29/11/2023
Báo cáo ngành	Báo cáo kết quả kinh doanh Q3/2023	Toàn thị trường	20/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	FRT	20/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	IDC	17/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	DGW	16/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	VNM	14/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	HDB	13/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	KBC	10/11/2023

# Tổng quan hiệu suất thị trường



Ghi chú: Các ngành được tính hiệu suất bao gồm cổ phiếu trên cả 3 sàn HSX, HNX và UPCoM

Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 tính toán dựa trên giá đóng cửa phiên giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, TVS Research



## Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

## Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

## Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

### Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec  
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
Phone: +84 (24) 7300 6588  
Fax: +84 (24) 3248 4821

### Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long  
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh  
Phone: +84 (28) 7300 6588  
Fax: +84 (28) 299 2088

## Thông tin liên hệ

### BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

#### Vương Chí Tâm, CFA, FRM

P. Giám đốc phân tích  
tamvc@tvs.vn

#### Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp  
hanhntk@tvs.vn

#### Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên  
anhnd@tvs.vn

#### Ngô Đức Anh

Thực tập sinh  
research@tvs.vn

#### Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp  
longpn@tvs.vn

#### Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên  
quangtpt@tvs.vn

#### Phạm Công Đạt

Thực tập sinh  
research@tvs.vn

#### Nguyễn Văn Đạt

Chuyên viên  
datnv@tvs.vn